

Bản án số: 16/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 08/02/2021  
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH PT**

***- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm Phán - Chủ tọa Phiên tòa:* Ông Nguyễn Trường Sơn;

*Các hội thẩm nhân dân:* Bà Bùi Thị Hảo;

Bà Nguyễn Thị Phẩm.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Việt Dũng - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh PT.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh PT tham phiên tòa:*** Ông Nguyễn Quỳnh Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh PT tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 94/2020/TLST- HNGĐ ngày 16/11/2020 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2021/QĐST- HNGĐ ngày 11/01/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đinh Thị Hải Y, sinh năm 1987;

2. Bị đơn: Anh Lê Tiến T, sinh năm 1985;

Đều có HKTT: Tổ 52, khu 5, phường NT, T phố VT, tỉnh PT.

Anh T hiện đang lao động tại NB.

(Chị Y có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Nguyên đơn chị Đinh Thị Hải Y trình bày: Chị và anh Lê Tiến T đăng ký kết hôn ngày 06/3/2009 tại UBND phường NT, T phố VT, tỉnh PT trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chị ở riêng tại tổ 52, khu 5, phường NT, T phố VT, tỉnh PT. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, trong làm ăn, thường xuyên cãi chửi nhau. Năm 2016 anh T đi lao động tại NB. Vợ chồng chị sống ly thân từ thời điểm đó cho đến nay. Chị Y xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn.

Về con chung: Chị Y xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Tiến H, sinh ngày 20/10/2009, nay cháu H đang ở cùng với chị Y. Khi ly hôn chị Y đề

ngiht được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu H và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu Lê Tiến H có nguyện vọng được ở cùng với mẹ.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Y trình bày hiện nay chị không biết địa chỉ của anh T tại NB nên chị không thể cung cấp địa chỉ của anh T tại NB cho Tòa án được. Chị Y yêu cầu Tòa án xác minh địa chỉ của anh T tại NB thông qua mẹ đẻ của anh T là bà Nguyễn Thị Nhân, sinh năm 1953, có địa chỉ tại: Tổ 52, khu 5, phường NT, T phố VT, tỉnh PT.

Bà Nguyễn Thị Nhân trình bày: Anh T và chị Y chung sống hòa thuận hạnh phúc. Năm 2016 anh T đi lao động tại NB, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ đó, nguyên nhân do chị Y nghi ngờ anh T có quan hệ bất chính với người khác. Gia đình bà đã nhiều lần hòa giải nhưng không có kết quả. Hiện tại anh T đang học và làm tại NB, anh T thường xuyên gọi điện về cho gia đình bà nhưng chỉ để hỏi thăm sức khỏe của mọi người, anh T không nói địa chỉ của anh tại nước ngoài nên bà không cung cấp được cho Tòa án. Bà đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và thông báo cho anh T biết về việc chị Y yêu cầu ly hôn với anh. Qua trao đổi bằng điện thoại anh T có ý kiến: “Chị Y xin ly hôn chị Y muốn làm gì thì làm”. Nay chị Y xin ly hôn anh T bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án nhân dân tỉnh PT tiến hành xác minh thu thập chứng cứ tại UBND phường NT, T phố VT, tỉnh PT cung cấp: Chị Y và anh T đăng ký kết hôn ngày 06/3/2009 tại UBND phường NT, T phố VT. Vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc, sau đó anh chị làm ăn buôn bán bị thua lỗ nên vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Hiện anh T đi làm ăn không có mặt tại địa phương từ năm 2016 cho đến nay. Anh T và chị Y có 01 con chung, nay đang ở cùng với chị Y. Chị Y đề nghị xin ly hôn với anh T, quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật để bảo đảm quyền lợi cho các bên.

Tại phiên tòa, vị đại diện VKSND tỉnh PT phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ của Tòa án đã tiến hành theo đúng các quy định tại Bộ Luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đại diện VKSND tỉnh PT đề nghị Tòa án cho chị Đinh Thị Hải Y được ly hôn với anh Lê Tiến T. Về con chung: Giao cháu Lê Tiến H, sinh ngày 20/10/2009 cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Lê Tiến T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Đinh Thị Hải Y vì chị Y không yêu cầu. Về tài sản chung, công nợ: Chị Y không yêu cầu nên không giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nghe công bố lời khai của các đương sự có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Đinh Thị Hải Y nộp đơn xin ly hôn anh Lê Tiến T tại Tòa án nhân dân tỉnh PT. Trong đơn xin ly hôn, chị Y trình bày hiện anh T đang sống và làm việc tại NB. Tại văn bản của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ

Công an xác nhận anh Lê Tiến T đã xuất cảnh lần gần đây nhất ngày 16/02/2019 và chưa nhập cảnh trở lại Việt Nam. Căn cứ khoản 3 Điều 35, Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh PT thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Quan hệ tranh chấp được xác định trong vụ án là “tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Đinh Thị Hải Y và anh Lê Tiến T là hôn nhân hợp pháp. Do vợ chồng sống xa nhau, không có sự quan tâm chia sẻ trong cuộc sống gia đình, tình cảm vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Anh Lê Tiến T hiện đang ở NB, chị Y chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng ở Việt Nam của anh Lê Tiến T, không cung cấp được địa chỉ của anh T ở nước ngoài cho Tòa án. Bà Nguyễn Thị Nhân là mẹ đẻ của anh Lê Tiến T xác nhận anh T hiện đang học và làm ăn ở NB, anh T vẫn thường xuyên gọi điện cho gia đình bà nhưng không nói rõ địa chỉ cụ thể của anh T tại NB nên bà không cung cấp được địa chỉ của anh T ở NB cho Tòa án. Căn cứ công văn số 253/TANDTC – PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao thuộc trường hợp bị đơn cố tình dấu địa chỉ, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Hội đồng xét xử xét thấy giữa chị Y và anh T mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên giải quyết cho anh chị được ly hôn.

[3] Về con chung: Chị Y xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Tiến H, sinh ngày 20/10/2009, hiện nay cháu H đang ở cùng với chị Y. Khi ly hôn chị Y đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu H và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu Lê Tiến H có nguyện vọng được ở với mẹ. Xét thấy, hiện nay anh T đang ở nước ngoài không có điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho cháu H. Cháu H hiện đang sống ổn định với chị Y. Chị Y có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H, đảm bảo cho cháu có điều kiện phát triển tốt nhất, nên cần giao cháu Lê Tiến H cho chị Đinh Thị Hải Y trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Y không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung, công nợ, công sức: Do chị Đinh Thị Hải Y không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Đinh Thị Hải Y phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 51; 56; 81; 82; 83 và Điều 123 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35, Điều 37, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 177, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH, quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho chị Đinh Thị Hải Y được ly hôn với anh Lê Tiến T.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Tiến H, sinh ngày 20/10/2009 cho chị Đinh Thị Hải Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi T niên. Anh Lê Tiến T

không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Lê Tiến T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đinh Thị Hải Y phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/ 0004301 ngày 13/11/2020 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh PT.

*Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.*

Các đ- ông sự đ- ọc quyền làm đơn kháng cáo để đề nghị Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đ- ọc bản án sơ thẩm hoặc kể từ ngày bản án đ- ọc tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh PT;
- Cục THADS tỉnh PT;
- Các đương sự;
- L- u: HS+AV:

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Trường Sơn**

